

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 – 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	12 – 45

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 từ trang 7 đến trang 45 kèm theo.

#### KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 vào ngày 21 tháng 08 năm 2023 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Thông tin về trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602503768-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/02/2023, có địa chỉ tại: số 22 Đường Đình Núp, Phường Thanh Sơn, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3602503768-003 lần đầu ngày 12/01/2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, có địa chỉ tại: 11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	
Ông Đinh Thế Hiên	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Ông Phạm Hợp Phố	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Ông Lê Hoàn Sử	Thành viên độc lập HĐQT	

##### Ban Kiểm soát

Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	
Ông Vũ Thành Tài	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Bà Nguyễn Thị Trường San	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 07/04/2023

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Bùi Thị Mai Hiền

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Châu.

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thứ - Chủ tịch.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP.HCM.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

#### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Văn Thư

Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Số: ~~074~~/2023/UHYHCM - BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023, từ trang 7 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 15 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, chúng tôi chưa thu thập được các Báo cáo tài chính đã được soát xét của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo quy định. Theo đó, chúng tôi chưa có cơ sở để xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) của khoản mục dự phòng của các khoản đầu tư này, cũng như chưa có cơ sở để xác định những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính đính kèm.

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Ngày 22/12/2022, Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Theo đó, căn cứ theo Thông báo này, ngày 01/02/2023 Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng đến ngày 31/12/2021 là 21.719.854.038 đồng, lợi nhuận công ty con chuyển về trong năm 2022 là 22.264.000.000 đồng chưa đủ nguồn tại thời điểm này để Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với giá trị 46.799.990.000 đồng. Do đó, Công ty đã sử dụng thêm nguồn từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 của các Công ty con chuyển về để bù đắp.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi kết luận ngoại trừ đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 1496-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP.HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2023*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>207.274.298.829</b>	<b>171.105.874.037</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.275.230.562	6.119.666.809
Tiền	111		8.275.230.562	6.119.666.809
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>195.249.943.930</b>	<b>162.454.048.183</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	59.316.099.136	45.785.470.907
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	96.226.087.819	73.028.007.130
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	49.326.861.496	49.665.373.377
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.619.104.521)	(6.024.803.231)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>857.049.927</b>	<b>851.435.006</b>
Hàng tồn kho	141		857.049.927	851.435.006
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.892.074.410</b>	<b>1.680.724.039</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	114.926.787	87.616.698
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.642.919.350	1.475.195.186
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	134.228.273	117.912.155
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>254.158.811.023</b>	<b>260.095.159.907</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>180.000.000</b>	<b>375.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8	180.000.000	375.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>42.118.504.016</b>	<b>42.454.466.711</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.087.201.504	1.417.673.287
- Nguyên giá	222		5.541.867.329	5.541.867.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.454.665.825)	(4.124.194.042)
Tài sản cố định vô hình	227	13	41.031.302.512	41.036.793.424
- Nguyên giá	228		41.055.859.091	41.055.859.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.556.579)	(19.065.667)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.959.295.050</b>	<b>4.561.555.917</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.959.295.050	4.561.555.917
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>207.056.419.305</b>	<b>212.535.035.749</b>
Đầu tư vào công ty con	251		202.200.000.000	202.200.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		25.000.000	25.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(23.168.580.695)	(11.689.964.251)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	2.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>844.592.652</b>	<b>169.101.530</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	844.592.652	169.101.530
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>461.433.109.852</b>	<b>431.201.033.944</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>131.756.785.142</b>	<b>129.514.868.215</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>131.756.785.142</b>	<b>129.514.868.215</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	63.204.611.957	49.768.823.118
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	1.707.976.436	74.927.922
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	84.371.485	163.590.265
Phải trả người lao động	314		742.019.908	1.027.404.033
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	931.729.037	457.688.413
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.586.162.520	2.023.772.409
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	63.478.408.069	75.737.921.325
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.505.730	260.740.730
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>329.676.324.710</b>	<b>301.686.165.729</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>329.676.324.710</b>	<b>301.686.165.729</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		306.799.990.000	260.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		306.799.990.000	260.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.876.334.710	41.686.165.729
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.113.824.271)	21.719.854.038
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.990.158.981	19.966.311.691
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>461.433.109.852</b>	<b>431.201.033.944</b>

Đồng Nai, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu



Nguyễn Văn Thứ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>117.347.578.027</b>	<b>96.312.559.738</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.369.932.161	29.440.452
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>114.977.645.866</b>	<b>96.283.119.286</b>
Giá vốn hàng bán	11	25	85.199.052.796	73.261.630.733
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>29.778.593.070</b>	<b>23.021.488.553</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	30.915.696.162	22.780.317.258
Chi phí tài chính	22	27	14.495.348.683	2.476.620.015
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.983.705.960</i>	<i>2.420.109.121</i>
Chi phí bán hàng	25	28	6.895.151.449	7.268.997.283
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	11.145.068.448	6.446.341.975
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>28.158.720.652</b>	<b>29.609.846.538</b>
Thu nhập khác	31	29	25.110.996	445.040.317
Chi phí khác	32	30	193.672.667	50.864.387
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(168.561.671)</b>	<b>394.175.930</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>27.990.158.981</b>	<b>30.004.022.468</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	1.635.996.318
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>27.990.158.981</b>	<b>28.368.026.150</b>

Đồng Nai, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Châu

Chủ tịch



Nguyễn Văn Thứ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>27.990.158.981</b>	<b>30.004.022.468</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		335.962.695	372.243.936
Các khoản dự phòng	03		15.072.917.734	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(90.421.800)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(30.729.469.637)	(22.546.622.050)
Chi phí lãi vay	06		2.983.705.960	2.420.109.121
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>15.653.275.733</b>	<b>10.159.331.675</b>
(Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(35.292.048.330)	(32.010.734.364)
(Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		(5.614.921)	1.560.423.100
Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	11		14.830.665.183	16.805.963.165
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		(81.173.111)	(61.295.502)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.983.705.960)	(2.420.109.121)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(90.000.000)	(1.526.248.040)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(239.235.000)	(764.285.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.207.836.406)</b>	<b>(8.256.954.087)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.106.556.222)	(1.000.950.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		30.729.469.637	132.583.198
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>22.622.913.415</b>	<b>(868.366.802)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		51.343.324.326	58.076.034.401
Tiền trả nợ gốc vay	34		(63.602.837.582)	(46.708.705.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12.259.513.256)</b>	<b>11.367.328.651</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>2.155.563.753</b>	<b>2.242.007.762</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>6.119.666.809</b>	<b>3.458.826.570</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	321.964
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>8.275.230.562</b>	<b>5.701.156.296</b>

Đồng Nai, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu



Nguyễn Văn Thử

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 vào ngày 21 tháng 08 năm 2023 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 là 306.799.990.000 đồng, được chia thành 30.679.999 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602503768-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/02/2023, có địa chỉ tại: số 22 Đường Đình Núp, Phường Thanh Sơn, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3602503768-003 lần đầu ngày 12/01/2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, có địa chỉ tại: 11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2023 là 40 người (tại 31/12/2022 là 45 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh buôn bán và kinh doanh bất động sản.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Không có đặc điểm hoạt động nào của công ty trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng.

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty không các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

Công ty có 04 Công ty con và 03 Công ty liên kết như được nêu tại mục 15 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)**

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

***Chứng khoán kinh doanh***

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Hội đồng Quản trị cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng theo phương pháp giá gốc.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

***Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

**4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

**Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc, thiết bị	04
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 15
Phần mềm máy tính	05

**Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. TSCĐ vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là nhà cửa và quyền sử dụng đất.

**4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

**4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán bất động sản, cung cấp dịch vụ và hoạt động xây dựng.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Công ty không trình bày thuyết minh này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về “Báo cáo Bộ phận” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.019.659	53.016.173
Tiền gửi ngân hàng	8.273.210.903	6.066.650.636
<b>Cộng</b>	<b>8.275.230.562</b>	<b>6.119.666.809</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>59.316.099.136</b>	<b>(9.619.104.521)</b>	<b>45.785.470.907</b>	<b>(6.024.803.231)</b>
- Công ty CP Thực Phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	19.002.062.200	-	9.591.752.160	-
- Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	11.600.000.000	(8.120.000.000)	11.600.000.000	(5.800.000.000)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	28.714.036.936	(1.499.104.521)	24.593.718.747	(224.803.231)
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>6.322.816.888</b>	-	<b>3.950.328.300</b>	-
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>2.295.907.888</b>	-	-	-
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cảnh Đòng Việt	1.026.906.000	-	950.325.300	-
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	3.000.003.000	-	3.000.003.000	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	-	-	-	-

(\*) Khoản phải thu từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán Theo Hợp đồng chuyển nhượng.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>96.226.087.819</b>	-	<b>73.028.007.130</b>	-
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cảnh Đòng Việt	61.478.155.024	-	44.726.197.518	-
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	25.799.532.735	-	18.218.253.076	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	8.948.400.060	-	10.083.556.536	-
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn khác</b>	<b>87.277.687.759</b>	-	<b>62.944.450.594</b>	-
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>61.478.155.024</b>	-	<b>44.726.197.518</b>	-
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cảnh Đòng Việt	25.799.532.735	-	18.218.253.076	-
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	35.678.622.289	-	26.507.944.442	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Tại 30/06/2023</u>	<u>Tại 01/01/2023</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>49.326.861.496</b>	<b>49.665.373.377</b>
<i>a. Tạm ứng</i>	<i>934.751.907</i>	<i>1.205.967.788</i>
<i>b. Phải thu khác</i>	<i>48.392.109.589</i>	<i>48.459.405.589</i>
- Phải thu đầu tư (1)	48.232.109.589	48.232.109.589
- Phải thu khác	160.000.000	227.296.000
<b>Dài hạn</b>	<b>180.000.000</b>	<b>375.000.000</b>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn (2)	180.000.000	375.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.506.861.496</b>	<b>50.040.373.377</b>
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>48.232.109.589</i>	<i>48.245.453.589</i>
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	48.232.109.589	48.245.453.589

(1) Đây là khoản hợp đồng hợp tác đầu tư dự án mua đất phát triển vùng nguyên liệu giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C và Công ty Cổ phần Năng và Gió theo Hợp đồng số 01/2021/HĐHTĐT/GC-SW ký ngày 07/08/2021.

(2) Số dư cuối kỳ tại 30/06/2023 là số tiền ký quỹ thuê văn phòng tại 11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	857.049.927	-	851.435.006	-
<b>Cộng</b>	<b>857.049.927</b>	<b>-</b>	<b>851.435.006</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>114.926.787</b>	<b>87.616.698</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	29.354.077	57.346.588
- Chi phí trả trước khác	85.572.710	30.270.110
<b>Dài hạn</b>	<b>844.592.652</b>	<b>169.101.530</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	844.592.652	169.101.530
<b>Cộng</b>	<b>959.519.439</b>	<b>256.718.228</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2023	479.341.607	79.317.084	4.983.208.638	5.541.867.329
Tại 30/06/2023	479.341.607	79.317.084	4.983.208.638	5.541.867.329
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại 01/01/2023	(418.076.273)	(79.317.084)	(3.626.800.685)	(4.124.194.042)
- Khấu hao trong năm	(40.668.516)	-	(289.803.267)	(330.471.783)
Tại 30/06/2023	(458.744.789)	(79.317.084)	(3.916.603.952)	(4.454.665.825)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2023	61.265.334	-	1.356.407.953	1.417.673.287
Tại 30/06/2023	20.596.818	-	1.066.604.686	1.087.201.504

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là: 1.281.998.903 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay là: 0 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2023	41.000.950.000	54.909.091	41.055.859.091
- Mua trong năm	-	-	-
Tại 30/06/2023	41.000.950.000	54.909.091	41.055.859.091
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2023	-	(19.065.667)	(19.065.667)
- Khấu hao trong năm	-	(5.490.912)	(5.490.912)
Tại 30/06/2023	-	(24.556.579)	(24.556.579)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2023	41.000.950.000	35.843.424	41.036.793.424
Tại 30/06/2023	41.000.950.000	30.352.512	41.031.302.512

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2023 là: 41.000.950.000 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Căn hộ Cocobay Đà Nẵng (*)	3.959.295.050	3.959.295.050
Dự án Spaceship Mart	-	539.480.667
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	62.780.200
<b>Cộng</b>	<b>3.959.295.050</b>	<b>4.561.555.917</b>

(\*) Đây là chi phí mua 2 căn hộ R1 - 1616 theo Hợp đồng số 2467/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 và căn hộ R1- 2414 theo Hợp đồng số 246/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 tại tổ hợp dự án Cocobay - Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô là Chủ đầu tư, có trụ sở tại 614 Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Đến thời điểm hiện tại, dự án Cocobay – Đà Nẵng vẫn chưa hoàn thành và chưa bàn giao căn hộ cho Công ty.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 30/06/2023 (VND)			Tại 01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>a. Đầu tư vào công ty con</b>	<b>202.200.000.000</b>	<b>(23.162.647.405)</b>	<b>179.037.352.595</b>	<b>202.200.000.000</b>	<b>(11.686.024.830)</b>	<b>190.513.975.170</b>
+ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Có Cổ Việt Nam (1)	39.800.000.000	-	39.800.000.000	39.800.000.000	-	39.800.000.000
+ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Có Cổ Việt Nam (1)	69.500.000.000	-	69.500.000.000	69.500.000.000	-	69.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Có Cổ Việt Nam (1)	4.900.000.000	(1.670.609.215)	3.229.390.785	4.900.000.000	(1.655.453.937)	3.244.546.063
+ Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura (3)	88.000.000.000	(21.492.038.190)	66.507.961.810	88.000.000.000	(10.030.570.893)	77.969.429.107
+ Công ty Cổ Phần Năng Và Gió (4)	28.000.000.000	(5.933.290)	27.994.066.710	20.000.000.000	(3.939.421)	19.996.060.579
<b>b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>(5.933.290)</b>	<b>19.994.066.710</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>(3.939.421)</b>	<b>19.996.060.579</b>
+ Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn (5)	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh (6)	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh (7)	25.000.000	-	25.000.000	25.000.000	-	25.000.000
<b>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>25.000.000</b>	<b>-</b>	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>	<b>-</b>	<b>25.000.000</b>
+ Công ty TNHH Matsumoto Farm (8)	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
<b>d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>230.225.000.000</b>	<b>(23.168.580.695)</b>	<b>207.056.419.305</b>	<b>224.225.000.000</b>	<b>(11.689.964.251)</b>	<b>212.535.035.749</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

- (1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600714322 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần 13 vào ngày 08 tháng 09 năm 2022 về việc thay đổi loại hình doanh nghiệp do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam là 39.800.000.000 VND, tương đương 99,5% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam là 99,5%. Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam có lãi và lợi nhuận lũy kế dương.
- (2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500577748 ngày 20 tháng 05 năm 2014 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, thay đổi lần thứ 7, ngày 21 tháng 06 năm 2021, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Thực Phẩm Cánh Đòng Việt là 69.500.000.000 VND, tương đương 99,29% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Thực Phẩm Cánh Đòng Việt là 99,29%. Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023, Công ty CP Thực phẩm Cánh đòng Việt có lãi và lợi nhuận lũy kế dương.
- (3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315459693 ngày 04 tháng 01 năm 2019 do Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 3, ngày 15 tháng 03 năm 2023, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura là 4.900.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura là 100%. Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023, Công ty Pura lỗ và đã được lập dự phòng theo tỷ lệ sở hữu.
- (4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500624846 ngày 17 tháng 07 năm 2018 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, thay đổi lần thứ 5, ngày 08 tháng 06 năm 2022, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ Phần Năng và Gió là 88.000.000.000 VND, tương đương 88% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ Phần Năng và Gió là 88%. Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023, Công ty Cổ Phần Năng và Gió lỗ và lợi nhuận lũy kế âm. Công ty đã lập dự phòng theo tỷ lệ sở hữu.
- (5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500654985 ngày 07 tháng 04 năm 2022 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty mua cổ phần trong Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn là 20.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn là 40%. Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hoạt động chính thức.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500659454 ngày 27 tháng 01 năm 2023 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ Phần Thủy Sản Mũi Dinh là 4.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ Phần Thủy Sản Mũi Dinh là 40%. Công ty đã đi vào hoạt động chính thức và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 có lãi.
- (7) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500659359 ngày 16 tháng 01 năm 2023 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh là 4.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh là 40%. Công ty đã đi vào hoạt động chính thức và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 lỗ nhưng chưa trích lập dự phòng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

- (8) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500647201 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 2 năm 2021, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH Matsumoto Farm là 25.000.000 VND, tương đương 5% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Matsumoto Farm là 5%. Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hoạt động chính thức.

Thông tin bổ sung về công ty con	Tại 30/06/2023			Tại 01/01/2023		
	Vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	4.900.000.000	100,00%	100,00%	4.900.000.000	100,00%	100,00%
<b>Thông tin bổ sung về công ty con</b>						
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Có Cô Việt Nam	3.980.000	99,50%	99,50%	3.980.000	99,50%	99,50%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	6.950.000	99,29%	99,29%	6.950.000	99,29%	99,29%
Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	8.800.000	88,00%	88,00%	8.800.000	88,00%	88,00%
<b>Thông tin bổ sung về công ty liên kết</b>						
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	2.000.000	40,00%	40,00%	2.000.000	40,00%	40,00%
Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh	4.000.000	40,00%	40,00%	-	-	-
Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	4.000.000	40,00%	40,00%	-	-	-

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Thông tin bổ sung về công ty con, công ty liên kết (tiếp)	Vốn điều lệ tại 30/06/2023 (VNĐ)	Vốn thực góp tại 30/06/2023 (VNĐ)	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Có Có Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000	Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cảnh Đồng Việt	70.000.000.000	70.000.000.000	Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.
Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	4.900.000.000	4.900.000.000	304, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.
Công ty Cổ phần Năng Và Gió	100.000.000.000	100.000.000.000	Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	50.000.000.000	50.000.000.000	Lô A1 - A2, KCN Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
Công ty Cổ phần Thủy sản Mũi Dinh	10.000.000.000	10.000.000.000	Thôn Từ Thiện, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Nuôi cá, nuôi tôm, nuôi thủy sản khác, sản xuất giống thủy sản biển.
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	10.000.000.000	10.000.000.000	Thôn Sơn Hải 2, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Trồng cây nông nghiệp



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>63.204.611.957</b>	<b>63.204.611.957</b>	<b>49.768.823.118</b>	<b>49.768.823.118</b>
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	62.115.977.014	62.115.977.014	48.220.912.680	48.220.912.680
- Công ty Cổ phần Banzai Tây Nguyên	155.699.562	155.699.562	342.384.380	342.384.380
- Công ty TNHH Vận tải Hoàng Nam S.G	324.471.736	324.471.736	341.512.041	341.512.041
- Phải trả người bán khác	608.463.645	608.463.645	864.014.017	864.014.017
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>62.115.977.014</b>	<b>62.115.977.014</b>	<b>48.220.912.680</b>	<b>48.220.912.680</b>
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	62.115.977.014	62.115.977.014	48.220.912.680	48.220.912.680
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	20.736.144	20.736.144	15.609.975	-

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>1.707.976.436</b>	<b>1.707.976.436</b>	<b>74.927.922</b>	<b>74.927.922</b>
- Natural Drinks, Ltd	1.086.032.000	1.086.032.000	-	-
- Chatchafoods Co.,Ltd.	393.120.000	393.120.000	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	228.824.436	228.824.436	74.927.922	74.927.922
<b>Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	-	178.823.223	155.260.940	23.562.283
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.683.882	-	73.683.882	-
- Thuế thu nhập cá nhân	89.906.383	373.976.610	403.073.791	60.809.202
- Các khoản lệ phí, phạt thuế	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>163.590.265</b>	<b>555.799.833</b>	<b>635.018.613</b>	<b>84.371.485</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải thu	117.912.155	-	-	117.912.155
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	16.316.118	16.316.118
<b>Cộng</b>	<b>117.912.155</b>	<b>-</b>	<b>16.316.118</b>	<b>134.228.273</b>

(\*) Là số thuế GTGT phải nộp của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C - Chi nhánh Ninh Thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí thưởng	351.639.623	282.139.413
- Các khoản trích trước khác	580.089.414	175.549.000
<b>Cộng</b>	<b>931.729.037</b>	<b>457.688.413</b>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.586.162.520</b>	<b>2.023.772.409</b>
- Kinh phí công đoàn	43.710.520	66.516.076
- Phải trả, phải nộp khác	606.052.000	1.020.856.333
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	936.400.000	936.400.000
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.586.162.520</b>	<b>2.023.772.409</b>
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i>	-	-

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	Tại 30/06/2023		Trong kỳ		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
	<b>a. Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>63.478.408.069</b>	<b>63.478.408.069</b>	<b>51.343.324.326</b>	<b>63.602.837.582</b>	<b>75.737.921.325</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Mươi Tháng Tư (*)	63.478.408.069	63.478.408.069	51.343.324.326	57.850.352.998	69.985.436.741	69.985.436.741
- Ngân hàng thương mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	-	-	-	5.752.484.584	5.752.484.584	5.752.484.584
<b>b. Vay dài hạn ngân hàng</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>63.478.408.069</b>	<b>63.478.408.069</b>	<b>51.343.324.326</b>	<b>63.602.837.582</b>	<b>75.737.921.325</b>	<b>75.737.921.325</b>

(\*) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức 01/2022/11246269/HĐTD ngày 12/08/2022, thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 70 tỷ đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Tài sản thế chấp được thế hiện: Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2022/11246269/HĐBĐ ngày 08/06/2022
- Dư nợ đến ngày 30/06/2023: 63.478.408.069 đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại 01/01/2022</b>	260.000.000.000	-	21.719.854.038	281.719.854.038
- Lợi nhuận trong năm	-	-	21.017.170.201	21.017.170.201
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022	-	-	(1.050.858.510)	(1.050.858.510)
<b>Tại 31/12/2022</b>	<b>260.000.000.000</b>	-	<b>41.686.165.729</b>	<b>301.686.165.729</b>
<b>Tại 01/01/2023</b>	260.000.000.000	-	41.686.165.729	301.686.165.729
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	27.990.158.981	27.990.158.981
- Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu (*)	46.799.990.000	-	(46.799.990.000)	-
<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>306.799.990.000</b>	-	<b>22.876.334.710</b>	<b>329.676.324.710</b>

(\*) Ngày 22/12/2022, Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Theo đó, căn cứ theo Thông báo này, ngày 01/02/2023 Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng đến ngày 31/12/2021 là 21.719.854.038 đồng, lợi nhuận công ty con chuyển về trong năm 2022 là 22.264.000.000 đồng chưa đủ nguồn tại thời điểm này để Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với giá trị 46.799.990.000 đồng. Do đó, Công ty đã sử dụng thêm nguồn từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 của các Công ty con chuyển về để bù đắp. Theo đó, Công ty khi xác định kế hoạch phân chia lợi nhuận 2022 sẽ giảm trừ phần lợi nhuận được sử dụng để chi trả lợi nhuận bằng cổ tức trước khi phân chia.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2023 đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu là 8%, tương đương 2.454.400 cổ phiếu, Công ty đang trong quá trình hoàn thành thủ tục pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**22.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Văn Thứ	40,00%	122.720.000.000	40,00%	104.000.000.000
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	19,23%	59.001.180.000	19,23%	50.001.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	1,62%	4.956.000.000	1,62%	4.200.000.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Nga	1,68%	5.143.620.000	1,68%	4.359.000.000
Các cổ đông khác	37,48%	114.979.190.000	37,47%	97.440.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>306.799.990.000</b>	<b>100%</b>	<b>260.000.000.000</b>

**22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	260.000.000.000	260.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	46.799.900.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	306.799.900.000	260.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia bằng cổ phiếu (*)</b>	<b>46.799.990.000</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết xem Thuyết minh số 22.1 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**22.4 CỔ TỨC**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	24.544.000.000	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**22.5 CỔ PHIẾU**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.679.990	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.679.990	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	30.679.990	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.679.990	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	30.679.990	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**23. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Tại 30/06/2023</b>		<b>Tại 01/01/2023</b>	
	<b>VND tương đương</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND tương đương</b>	<b>Nguyên tệ</b>
Ngoại tệ các loại				
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	15.625.636	668,02	3.816.081.891	163.010,76
<i>RUB</i>	543.898.088	2.140.945	-	-

**24. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022</b>
	<b>đến 30/06/2023</b>	<b>đến 30/06/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Tổng Doanh thu</b>	<b>117.347.578.027</b>	<b>96.312.559.738</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	117.099.258.027	95.772.559.738
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	248.320.000	540.000.000
<b>b. Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>292.508.823</b>	<b>431.615.000</b>
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	182.175.517	431.615.000
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	38.044.626	127.259.784
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	72.288.680	143.940.000
<b>c. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.369.932.161</b>	<b>29.440.452</b>
- Chiết khấu thương mại	5.011.975	13.290.270
- Giảm giá hàng bán	224.952.166	16.150.182
- Hàng bán bị trả lại	2.139.968.020	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	85.148.517.524	73.182.916.517
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	50.535.272	78.714.216
<b>Cộng</b>	<b>85.199.052.796</b>	<b>73.261.630.733</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	4.469.637	132.583.198
Lãi bán các khoản đầu tư	127.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	186.226.525	292.324.260
Lãi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	-	90.421.800
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.598.000.000	22.264.988.000
<b>Cộng</b>	<b>30.915.696.162</b>	<b>22.780.317.258</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	2.983.705.960	2.420.109.121
Dự phòng đầu tư	11.478.616.444	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	33.026.279	56.510.894
<b>Cộng</b>	<b>14.495.348.683</b>	<b>2.476.620.015</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	1.766.522.444	1.205.931.295
Chi phí vật liệu, bao bì	28.728.980	18.907.616
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.718.886	21.699.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	446.400.790	361.188.587
Chi phí bằng tiền khác	4.607.780.349	5.661.269.905
<b>Cộng</b>	<b>6.895.151.449</b>	<b>7.268.997.283</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	4.151.055.510	3.524.139.570
Chi phí vật liệu, bao bì	147.252.473	126.006.618
Chi phí khấu hao TSCĐ	306.807.739	293.529.720
Thuế, phí và lệ phí	93.655.505	188.616.667
Chi phí dự phòng	3.594.301.290	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.236.225.946	1.720.141.191
Chi phí bằng tiền khác	615.769.985	593.908.209
<b>Cộng</b>	<b>11.145.068.448</b>	<b>6.446.341.975</b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi thanh lý TSCĐ	-	149.050.852
Thu nhập khác	25.110.996	295.989.465
<b>Cộng</b>	<b>25.110.996</b>	<b>445.040.317</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Thanh lý TSCĐ, CCDC	-	25.864.387
Tiền phạt vi phạm hành chính	1.425.845	25.000.000
Các khoản khác	192.246.822	-
<b>Cộng</b>	<b>193.672.667</b>	<b>50.864.387</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>27.990.158.981</b>	<b>30.004.022.468</b>
<b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(29.796.938.711)</b>	<b>(21.824.040.878)</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	801.061.289	439.959.122
+ Chi phí không được trừ	801.061.289	439.959.122
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(30.598.000.000)	(22.264.000.000)
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	(30.598.000.000)	(22.264.000.000)
<b>Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ</b>	<b>(1.806.779.730)</b>	<b>8.179.981.590</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.635.996.318</b>

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	85.169.897.840	73.182.916.517
Chi phí nhân công	5.917.577.954	4.730.070.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	335.962.695	372.243.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.682.626.736	2.081.329.778
Chi phí bằng tiền khác	9.133.207.468	6.610.408.895
<b>Cộng</b>	<b>103.239.272.693</b>	<b>86.976.969.991</b>

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam  
 Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt  
 Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura  
 Công ty Cổ Phần Năng Và Gió  
 Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn  
 Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh  
 Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh  
 Công ty TNHH An Hạnh Thông  
 Công ty Cổ Phần Fesdy  
 G.C Food USA Inc  
 Ông Nguyễn Văn Thứ  
 Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm  
 Bà Bùi Thị Mai Hiền  
 Ông Nguyễn Diệp Pháp  
 Ông Lê Hoàn Sử

**Mối quan hệ**

Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty cùng hệ thống  
 Công ty cùng hệ thống  
 Công ty cùng hệ thống  
 Tổng giám đốc  
 Cổ đông nắm giữ cổ phần đáng kể  
 Thành viên HĐQT  
 Thành viên HĐQT  
 Thành viên HĐQT độc lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Trong kỳ, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u> VND	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u> VND
<b>1. Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam</b>		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	182.175.517	431.615.000
- Doanh thu thanh lý công cụ, dụng cụ	-	9.500.000
- Mua hàng hóa	44.027.071.359	38.796.557.576
- Thuê văn phòng	300.000.000	300.000.000
- Nhận cổ tức	8.358.000.000	11.144.000.000
<b>2. Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt</b>		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	33.819.026	127.333.858
- Thu nhập khác	2.087.188.989	127.333.858
- Mua hàng hóa	40.601.970.222	31.894.167.400
- Nhận cổ tức	22.240.000.000	11.120.000.000
<b>3. Công ty Cổ phần Năng và Gió</b>		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	70.654.680	143.940.000
- Thu nhập khác	-	9.360.000
- Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	647.437.000
- Mua hàng hóa	314.337.403	614.633.060
<b>4. Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh</b>		
- Góp vốn	4.000.000.000	-
<b>5. Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh</b>		
- Góp vốn	4.000.000.000	-
- Cho mượn	50.000.000	-
- Thu tiền cho mượn	50.000.000	-
<b>6. Công ty TNHH An Hạnh Thông</b>		
- Mua hàng hóa	117.081.089	-
<b>7. Ông Nguyễn Văn Thứ</b>		
- Tạm ứng	12.187.833.820	14.312.356.778
- Hoàn tạm ứng	12.485.333.820	2.072.600.000
<b>8. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm</b>		
- Tạm ứng	294.384.300	154.575.134
- Hoàn tạm ứng	201.744.300	114.575.134
<b>9. Bà Bùi Thị Mai Hiền</b>		
- Tạm ứng	-	70.000.600
- Hoàn tạm ứng	3.700.000	70.000.600
<b>10. Ông Nguyễn Diệp Pháp</b>		
- Tạm ứng	102.592.534	100.181.113
- Hoàn tạm ứng	30.859.556	99.055.693

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Hoàn tạm ứng	30.859.556	99.055.693
<b><u>Số dư với các bên liên quan</u></b>	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>1. Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam</b>		
- Phải trả tiền mua hàng hoá, cung cấp dịch vụ	62.115.977.014	48.220.912.680
<b>2. Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt</b>		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.295.907.888	-
- Ứng trước tiền mua hàng hóa	61.478.155.024	44.726.197.518
<b>3. Công ty Cổ phần Năng và Gió</b>		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.026.906.000	950.325.300
- Phải thu khác	48.232.109.589	48.245.453.589
- Ứng trước tiền mua hàng hóa	25.799.532.735	18.218.253.076
<b>4. Công ty TNHH An Hạnh Thông</b>		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.000.003.000	3.000.003.000
- Phải trả tiền mua hàng hoá, cung cấp dịch vụ	20.736.144	15.609.975
<b>5. Ông Nguyễn Văn Thứ</b>		
- Tạm ứng	702.500.000	1.000.000.000
<b>6. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm</b>		
- Tạm ứng	85.800.000	(6.840.000)
<b>7. Bà Bùi Thị Mai Hiền</b>		
- Tạm ứng	-	3.700.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt***

Tên	Chức danh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc</b>			
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị/Tổng Giám đốc	307.352.500	365.425.935
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng truyền thông	186.357.500	213.140.680
- Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng B2B	296.350.865	369.263.192
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế	285.624.327	302.424.291
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>			
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	84.000.000	-
- Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	72.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	72.000.000	-
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	72.000.000	-
- Ông Lê Hoàn Sử	Thành viên	72.000.000	-
<b>Thù lao của Ban Kiểm soát</b>			
- Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban	21.000.000	9.000.000
- Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	13.500.000	6.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.482.185.192</b>	<b>1.265.254.098</b>

**34. THÔNG TIN KHÁC**

**34.1 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**34.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Công ty TNHH Thực phẩm Cô Cô Việt Nam số TVP01-2020/GC-CC ngày 01/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01.2021/PLHD/TVP01-2020/GC-CC về việc gia hạn hợp đồng thuê từ 01/01/2021 đến 31/12/2025, giá thuê 50.000.000 đồng/tháng (ổn định trong 05 năm).
- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Bà Triệu Thị Sim ký ngày 30/01/2023. Thời gian thuê 05 năm từ 12/01/2023 đến 11/01/2028. Giá thuê 02 năm đầu (từ 12/01/2022 đến 11/01/2025) là 87.000.000 đồng/tháng; giá thuê 02 năm tiếp theo (từ 12/01/2025 đến 11/01/2027) là 95.700.000 đồng/tháng; giá thuê năm thứ 05 (từ 12/01/2027 đến 11/01/2028) là 100.485.000 đồng/tháng.

**34.4 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Chủ tịch



Nguyễn Văn Thứ

